

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110 /2022/HS-ST

Ngày: 22 /6 /2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký TAND huyện Nhơn T.

- Đ diện VKSND huyện Nhơn T tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn-  
Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Nhơn T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/QĐXXST-HS ngày 6 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Phước B, huyện Nhơn T, Đồng Nai

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1957 và bà Trương Kim P, sinh năm 1960, gia đình bị cáo có 06 anh, chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình, có vợ là Đinh Thị Kiều H, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2015) và có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo chấp hành xong vào ngày 02/10/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/12/2021 đến ngày 07/01/2022 được hủy bỏ tạm giữ và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 28/CSĐT-ĐTTH ngày 07/01/2022 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn T (Bị cáo có mặt).

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Tam L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T, Đồng Nai (Vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

Chị Lê Thị Như N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T, Đồng Nai (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 26/01/2021, Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Tam L (sinh năm 1978), ngụ tại ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai ngồi uống cà phê tại ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T. Lúc này, Đ hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 60C2-618.66 của anh L để đi mua đồ, anh L đồng ý. Do trước đó Đ có thể chấp xe mô tô biển số 68K1-243.92 tại tiệm cầm đồ Thành Lộc của chị Lê Thị Như N (sinh năm 1988), ngụ tại ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T để lấy số tiền 18.000.000 đồng tiêu xài, do không có tiền trả lãi nên sau khi mượn xe của anh L đi mua đồ xong, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh L mang đến tiệm cầm đồ để đổi xe mô tô của Đ ra rồi mang xe đi bán lấy tiền trả nợ. Sau đó, Đ đi đến tiệm cầm đồ đưa xe mô tô biển số 60C2-618.66 cho chị N rồi lấy xe của Đ ra và nói với chị N khi nào bán được xe sẽ quay lại trả tiền và lấy lại xe. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô 68K1-243.92 mang đi bán cho một nam thanh niên (chưa rõ nhân thân) tại ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T với số tiền 18.000.000 đồng và tiêu xài hết. Do tiêu xài hết tiền, Đ không còn tiền để chuộc xe nên Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi bị mất tài sản, anh L làm đơn trình báo Công an xã Long T lập hồ sơ xử lý. Đến ngày 29/12/2021, Nguyễn Văn Đ đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

#### ***Tài sản thiệt hại:***

- Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe 60C2-618.66 của anh L theo Kết luận định giá có giá trị là 25.200.000 đồng.

#### ***Vật chứng vụ án:***

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66 (đã trả lại cho chủ sở hữu)

#### ***Trách nhiệm dân sự:***

+ Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

+ Bị cáo đã trả lại cho chị Lê Thị Như N số tiền 18.000.000 đồng, chị N không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Tại cáo trạng số 75/CT-VKSDQ ngày 25/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo

Nguyễn Văn Đ với mức án từ 01(Một) năm 02 (Hai) tháng tù đến 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù đến 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

+ Bị cáo đã trả lại cho chị Lê Thị Như N số tiền 18.000.000 đồng, chị N không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

- Về vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tam L.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Đ diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng hình sự: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa trong giai đoạn điều tra, truy tố những người này đã có lời khai, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác, người làm chứng cũng không có yêu cầu gì. Do vậy việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/01/2021, Nguyễn Văn Đ đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60C2-618.66, trị giá 25.200.000 đồng của anh Nguyễn Tam L tại ấp 2, xã Long T, huyện Nhơn T. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không cáo không còn tiền để chuộc xe nên bị cáo đã bỏ trốn, đến ngày 29/12/2021, Nguyễn Văn Đ đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Hành vi do bị cáo thực hiện đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T truy tố bị cáo theo tội danh và khoản, Điều nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp, gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng về tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đ có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, và chưa có tiền án, tiền sự, thuộc các Trường hợp quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trong thời gian tại ngoại bị cáo luôn chấp hành tốt Chính sách, pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ- ông Nguyễn Văn Tim, sinh năm 1950 được Thủ tướng chính phủ phong tặng Tổ quốc ghi công ngày 20/9/1978 và có bác ruột là ông Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1952 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì đạt thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ngày 07/6/2005. Các tình tiết nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

+ Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

+ Bị cáo đã trả lại cho chị Lê Thị Như N số tiền 18.000.000 đồng, chị N không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tam L.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ -HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết 02/2018/NQ -HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Điều 106, 326, 327, 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Phước B, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

+ Bị cáo đã trả lại cho chị Lê Thị Như N số tiền 18.000.000 đồng, chị N không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết

- Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tam L.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Nhơn T;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Nhơn T;
- Chi cục THADS huyện Nhơn T;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Mai**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Tại kết luận định giá tài sản số: 58/KLDG- HDDG ngày 26/4/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận : 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66, giá trị sử dụng còn lại 70%, có giá trị 25.200.000 đồng.

Vật chứng gồm:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Nozza, màu đen, biển số 60C2- 618.66 (đã trả lại cho chủ sở hữu).

Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

- Bị cáo đã trả lại cho chị Lê Thị Như N số tiền 18.000.000 đồng, chị N không có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKSNT ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T với mức án từ 12 tháng đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không phát biểu tranh luận và không bào chữa.

Trong phần phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hứa không tái phạm tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V không yêu cầu bồi thường về dân sự. Tại phiên tòa ông N, bà V vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, xét thấy việc xét xử vắng mặt của bà V, ông N không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 7 năm 2020 đến ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Công Nghệ Ác Quy HengLi thuộc Khu công nghiệp Nhơn T 3, xã Long T, huyện Nhơn T, Trần Văn T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp chì với tổng khối lượng là 361,6 kg, có tổng trị giá tài sản là 19.077.293 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của những người khác được Pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả cho bị hại và chưa có tiền án, tiền sự thuộc các Trường hợp quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, trong thời gian tại ngoại bị cáo luôn chấp hành tốt Chính sách, pháp luật tại địa phương, đều có nơi cư trú rõ ràng. Các tình tiết nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho Chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là cũng đủ nghiêm, thể hiện được Chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người đã biết ăn năn hối cải.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ Ác Quy HengLi và Công ty không yêu cầu bồi thường, bà Nguyễn Thị V là người mua số chì của bị cáo T trộm cắp do bà V không biết đây là tài sản trộm cắp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn T không khởi tố là phù hợp với quy định của pháp luật, bà V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 ca nhựa màu xanh của bị cáo T dùng vào việc phạm tội;



+ Tuyên buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp lại số tiền 12.250.000 (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Xét quan điểm của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn T tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ -HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. NQ 326, Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân Thị trấn Hiệp P, huyện Nhơn T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp lại số tiền 12.250.000 (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo luật định. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai
- Cơ quan cảnh sát điều tra – CA huyện Nhơn T;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn T;
- UBND TT.Hiệp P, huyện Nhơn T;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Mai**